

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2019
V/v tranh chấp “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Hai

2. Ông Nguyễn Văn Chót

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phú Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 837/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị T, sinh năm: 1990; địa chỉ: 75/4 ấp TA, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1986, địa chỉ: 76/2 ấp AT, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản khai, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện; vào năm 2009 chị và anh được gia đình tổ chức lễ cưới và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 28/12/2009. Sau khi kết hôn chị và anh N cùng làm ăn và sinh sống tại ấp TA, xã TH. Thời gian chung sống có 01 con chung Nguyễn Đăng Lâm P, sinh ngày 27/9/2011. Thời gian đầu sống hạnh phúc, tuy nhiên trong khoảng thời gian 03 năm qua cuộc sống vợ chồng mất hạnh phúc xuất phát từ việc anh N không chăm lo làm ăn, thường xuyên tham gia cá độ, cờ bạc. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên giải, tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn, anh N cũng hứa hẹn sửa đổi nhưng sau đó vẫn tiếp tục việc sa đà chơi cờ bạc không chăm lo cuộc sống gia đình. Nay không thể tiếp tục

chịu đựng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị cũng không còn tình cảm với anh nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N

Về con chung: Nguyễn Đăng Lâm P, sinh ngày 27/9/2011 hiện đang sống cùng chị, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Do nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

Về nội dung: xét lời trình bày của chị T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Thấy rằng trong thời gian chung sống chị T và anh N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn đoàn tụ được. Do đó có căn cứ hôn nhân giữa chị T và anh N mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị T thì chị yêu cầu ly hôn với anh N nên đây là tranh chấp “ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn anh Nguyễn Văn N cư trú tại xã An Qui, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre do đó căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

[3] Về tố tụng: chị T có yêu cầu xét xử vắng mặt; anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[4] Về hôn nhân: xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị T và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thanh Hải, huyện Thanh Phú cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 28/12/2009. Do đó hôn nhân của anh, chị đã hội đủ các qui định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận.

Xét lời trình bày của chị T thấy rằng hôn nhân của anh chị đã trải qua khoảng thời gian dài mất hạnh phúc từ việc chị T cho rằng anh N không chăm lo làm ăn, thường xuyên tham gia cờ bạc, cá độ; anh N không sửa đổi, không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Mặt khác dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng

anh N vắng mặt trong các lần Tòa án tiến hành hòa giải, xét xử điều đó chứng minh anh N không có thiện chí, mong muốn hàn gắn đoàn tụ với chị T. Nay chị T có yêu cầu ly hôn, xét mâu thuẫn của vợ chồng chị T, anh N hiện nay đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh N là phù hợp.

[5] Về con chung: cháu Nguyễn Đặng Lâm P, sinh ngày: 27/9/2011 hiện đang sống cùng chị T, cháu có nguyện vọng sống cùng chị T khi cha mẹ ly hôn, cháu Phong hiện vẫn đang phát triển tốt về thể chất và tinh thần; vì vậy cần giao cháu Phong cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và ghi nhận việc anh N không cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: chị T và anh N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: chị T phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 09/6/2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị T. Chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Chị T và anh N không yêu cầu giải quyết N vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn.

2. *Về con chung:* chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đặng Lâm P, sinh ngày: 27/9/2011 và ghi nhận việc anh N không cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* chị T và anh N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 001572 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú xem như đã nộp xong.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND xã Thanh Hải;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Phan Cẩm Nhung

